

MỘT SỐ THAY ĐỔI NỔI BẬT ĐỐI VỚI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ KHI CHUYỂN ĐỔI HỆ THỐNG KRX

Nội dung	Tiêu chí	Quy định Hiện tại	Nội dung thay đổi
Phân khớp lệnh định kỳ ATO/ATC	Đơn vị giao dịch	Chỉ áp dụng lô chẵn	Áp dụng cả lô chẵn và lô lẻ (Lô lẻ chỉ áp dụng với giá LO)
	Thứ tự ưu tiên lệnh	Lệnh ATO/ATC được ưu tiên trước lệnh giới hạn trong khi so khớp lệnh Hiện thị lệnh đặt trong phiên ATO/ ATC	Lệnh ATO/ATC không được ưu tiên trước lệnh giới hạn mua giá trần hoặc lệnh giới hạn bán giá sàn đã nhập trước đó.
	Hiện thị lệnh đặt trong phiên ATO/ ATC	Hiện thị thông tin các lệnh đặt trong phiên ATO/ ATC: - Lệnh giao dịch tại mức giá ATO/ATC: hiển thị theo giá ATO, ATC ở mức giá ưu tiên cao nhất trên bảng giá. - Các lệnh đặt trong phiên ATO/ATC ở các mức giá chờ mua, chờ bán tốt nhất được hiển thị trên bảng giá.	Hiện thị thông tin các lệnh đặt trong phiên ATO/ ATC: - Lệnh giao dịch tại mức giá ATO/ATC: hiển thị theo giá LO trên bảng giá (theo các trường hợp quy định tại Quy chế của các Sở giao dịch). - Sở GD xác định thông tin dự khớp và hiển thị các lệnh đặt chờ khớp trong phiên ATO/ATC như sau: - Lệnh có thể khớp được: sẽ không hiển thị ở các mức giá chờ mua, chờ bán tốt nhất trên bảng giá, chỉ thể hiện ở tổng KL dự khớp - Lệnh chưa có thể khớp: chỉ các lệnh ở các mức giá chờ mua chờ bán tốt nhất được hiển thị trên bảng giá (HoSE: 3 bước giá, HN: 10 bước giá) với giá LO và tổng KL của các lệnh đặt tại mức giá đó.
Phân khớp lệnh liên tục LO	Lệnh thị trường	- Sở HNX: MAK, MOK, MTL - Sở HOSE: MP	Lệnh thị trường được áp dụng trên 2 sở giao dịch - Sở HNX: FAK, FOK, MTL - Sở HOSE: MTL => Chỉ thay đổi tên, không thay đổi bản chất của lệnh Lệnh MTL: Nếu không được thực hiện toàn bộ thì phần còn lại của lệnh được chuyển thành lệnh giới hạn với mức giá đặt lệnh là giá khớp lệnh gần nhất + 1 đơn vị yết giá đối với lệnh mua và giá khớp lệnh gần nhất - 1 đơn vị yết giá đối với lệnh bán.
Nguyên tắc sửa lệnh	Sở HoSE (HNX, Upcom không thay đổi)	Được thực hiện bằng cách hủy lệnh sai và nhập lại lệnh đúng	Cho phép sửa giá/ khối lượng trên lệnh gốc (Không cho phép sửa đồng thời giá và khối lượng)
	Thứ tự ưu tiên thời gian của lệnh	Được tính kể từ khi lệnh đúng được nhập vào Hệ thống giao dịch của Sở	- Sửa giá tăng, giảm sẽ làm thay đổi tự tự ưu tiên thời gian của lệnh - Sửa giảm khối lượng không thay đổi ưu tiên thời gian của lệnh
Giao dịch thỏa thuận	Sửa, hủy lệnh	- Giao dịch thỏa thuận đã được thực hiện trên HTGD không được phép hủy - Trong thời gian giao dịch, trường hợp thành viên giao dịch nhập sai lệnh giao dịch thỏa thuận của nhà đầu tư, thành viên giao dịch được phép sửa giao dịch thỏa thuận bằng cách hủy lệnh và nhập lại lệnh mới nhưng phải xuất trình lệnh gốc của nhà đầu tư, phải được bên đối tác đồng ý việc sửa lệnh đó và được SGDCK TP HCM chấp thuận	- Giao dịch thỏa thuận đã thực hiện không được phép sửa/ hủy - Các lệnh giao dịch thỏa thuận chưa khớp được phép hủy
	Nhập lệnh mua/ bán	Bên bán nhập lệnh giao dịch thỏa thuận và bên mua xác nhận giao dịch thỏa thuận	Bên bán hoặc bên mua đều có thể nhập lệnh khởi tạo giao dịch thỏa thuận, bên còn lại thực hiện xác nhận/ từ chối giao dịch.
Giao dịch các mã hạn chế giao dịch	Sở HoSE (Mã CK hạn chế giao dịch)	Chỉ được giao dịch khớp lệnh và thỏa thuận phiên chiều	Chứng khoán thuộc diện bị hạn chế giao dịch sàn HoSE sẽ áp dụng phương thức giao dịch KLĐK nhiều lần PCA: - Được giao dịch trong đợt KLĐK xác định giá mở cửa, sau đó đến các đợt KLĐK PCA, mỗi đợt kéo dài 15 phút (KLĐK 1: 9h00 - 9h15, KLĐK 2: 9h15 - 9h30,...), và giao dịch trong đợt KLĐK xác định giá đóng cửa - Không được phép sửa, hủy lệnh trong 5 phút cuối đợt KLĐK PCA - Chỉ cho phép sử dụng lệnh giới hạn (LO) trong các đợt KLĐK PCA

MỘT SỐ THAY ĐỔI NỔI BẬT ĐỐI VỚI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH
KHI CHUYỂN ĐỔI HỆ THỐNG KRX

Nội dung	Quy định Hiện tại	Nội dung thay đổi
Thay đổi Tên mã hợp đồng giao dịch	Mã VN30 cũ: VN30F2507 Mã Bond cũ: GB05F2506 Nguyên tắc: + Tài sản cơ sở (VN30/GB05) + Loại sản phẩm (F) + Thời gian đáo hạn (yyymm)	Mã VN30 mới: 4111F7000 Mã Bond mới: 41B5F6000 Nguyên tắc: Loại chứng khoán (CKPS - 4) + Nhóm CKPS (HĐTL - 1) + Tài sản cơ sở (VN30 - I1; GB05 - B5; GB10 - BA) + Năm đáo hạn (2020 - A; 2021 - B;..... ; 2039 - W) + Tháng đáo hạn (01 - 1; 02 - 2; ...; 10 - A; 11 - B; 12 - C) + Định danh CKPS (HĐTL - 000)
Thời điểm giao dịch phái sinh khi mở TK	Khi VSDC duyệt mở tài khoản thì Khách hàng được giao dịch vào ngày giao dịch tiếp theo	Khách hàng được giao dịch ngay sau khi VSDC duyệt mở tài khoản
Nguyên tắc ký quỹ	1. Khách hàng cần nộp ký quỹ lên VSDC mới đặt được lệnh 2. Tỷ lệ của tài khoản tính theo giá khớp lệnh của HĐTL trên thị trường phái sinh realtime trong phiên theo tài sản ký quỹ tại VSD	1. Khách hàng đảm bảo đủ giá trị ký quỹ trên TKCKPS tại CTCK để thực hiện lệnh giao dịch 2. Trong phiên giao dịch, tỷ lệ ký quỹ của tài khoản tính realtime theo tổng tài sản trên TKCKPS của Khách hàng (gồm tài sản tại CTCK và ký quỹ tại VSDC) 3. Cuối ngày giao dịch (khoảng 17h tùy thuộc vào hệ thống VSDC), VSDC thực hiện: - Tính nghĩa vụ ký quỹ (MR) dựa vào số vị thế mở cuối ngày T và giá chỉ số tương ứng của thị trường cơ sở theo công thức COMS của hệ thống KRX - So sánh nghĩa vụ MR với tài sản đã nộp ký quỹ của từng tài khoản: - Nếu TK đã nộp đủ ký quỹ (MR < hoặc = tài sản ký quỹ): VSDC không yêu cầu nộp thêm TSKQ; - Nếu TK chưa nộp đủ ký quỹ (MR > tài sản ký quỹ): VSDC yêu cầu nộp thêm TSKQ. Khách hàng cần nộp ký quỹ lên VSDC hoặc hệ thống MBS sẽ tự động nộp ký quỹ lên VSD để đảm bảo nghĩa vụ của TK vào đầu ngày T+1; - VSDC yêu cầu duy trì tài sản ký quỹ đảm bảo nghĩa vụ MR tại ngày T đến cuối ngày T+1 (sẽ cập nhật theo giá trị ký quỹ MR của số dư vị thế cuối ngày T+1 của TK). Khách hàng muốn rút tiền ký quỹ từ VSDC khi đã đóng hết vị thế qua đêm tại ngày T thì phải đợi hết ngày T+1 mới thực hiện được.
Kiểm soát tỷ lệ ký quỹ	- Kiểm soát tỷ lệ ký quỹ trong phiên giao dịch. - Thời gian xử lý từ ngày làm việc liền sau ngày vi phạm tỷ lệ AR (ngày T+1)	- VSDC kiểm soát tỷ lệ ký quỹ theo giá đóng cửa cuối phiên giao dịch của các vị thế mở qua đêm tại ngày T. - Sau thời điểm 09h30 ngày T+1, các tài khoản vi phạm nghĩa vụ ký quỹ tại VSDC (tiền trên tài khoản ký quỹ của KH tại VSDC < giá trị ký quỹ yêu cầu) sẽ bị hạn chế giao dịch (block). - Đến thời điểm 14h ngày T+1, VSDC sẽ kiểm tra nghĩa vụ ký quỹ của các tài khoản đang bị hạn chế giao dịch, nếu đã đảm bảo nghĩa vụ thì sẽ mở chặn hạn chế giao dịch (unblock). - Trường hợp tài khoản bị hạn chế giao dịch có nhu cầu đóng vị thế, CTCK sẽ thực hiện lệnh Closeout để thực hiện theo yêu cầu của Khách hàng.
Phiên khớp lệnh định kỳ ATO/ATC	Lệnh ATO/ATC được ưu tiên trước lệnh giới hạn trong khi phân bổ lệnh khớp	Lệnh ATO/ATC không được ưu tiên trước lệnh giới hạn mua giá trần hoặc lệnh giới hạn bán giá sàn đã nhập trước đó.
	Hiển thị thông tin các lệnh đặt trong phiên ATO/ ATC: - Lệnh giao dịch tại mức giá ATO/ATC: hiển thị theo giá ATO, ATC ở mức giá ưu tiên cao nhất trên bảng giá. - Các lệnh đặt trong phiên ATO/ATC ở các mức giá chờ mua, chờ bán tốt nhất được hiển thị trên bảng giá	Hiển thị thông tin các lệnh đặt trong phiên ATO/ ATC: - Lệnh giao dịch tại mức giá ATO/ATC: hiển thị tại mức giá xác định (LO) trên bảng giá (theo các trường hợp quy định tại Quy chế của các Sở giao dịch). - Sở giao dịch xác định thông tin dự khớp và hiển thị các lệnh đặt chờ khớp trong phiên ATO/ATC như sau: - Lệnh có thể khớp được: sẽ không hiển thị ở các mức giá chờ mua, chờ bán tốt nhất trên bảng giá, chỉ thể hiện ở tổng KL dự khớp. - Lệnh chưa có thể khớp: chỉ các lệnh ở các mức giá chờ mua chờ bán tốt nhất được hiển thị trên bảng giá (HoSE: 3 bước giá, HNX: 10 bước giá) với giá LO và tổng KL của các lệnh đặt tại mức giá đó.
Lệnh MTL	Nếu không được thực hiện toàn bộ thì phần còn lại của lệnh được chuyển thành lệnh giới hạn với mức giá đặt lệnh là giá khớp lệnh gần nhất	Nếu không được thực hiện toàn bộ thì phần còn lại của lệnh được chuyển thành lệnh giới hạn với mức giá đặt lệnh là giá khớp lệnh gần nhất + 1 tick size đối với lệnh mua và giá khớp lệnh gần nhất - 1 tick size đối với lệnh bán (tick size: Giới hạn chuyển dịch giá tối thiểu).
Phí Quản lý vị thế	VSDC thu Phí Quản lý vị thế qua đêm (Phí QLVT): 2.550đ/ HĐ/ ngày/ Tài khoản/ ngày	VSD thu phí bù trừ vị thế: 2.550đ/ HĐ giao dịch khớp lệnh (tương tự như phí giao dịch trả sở GD) Ví dụ: Đầu ngày T, Khách hàng không có số dư, trong ngày Long 50, Short 40 => số dư mở qua ngày là 10 HĐ, KH giữ số dư này 3 ngày rồi ngày T4 thì đóng hết các vị thế CỦ: Phí quản lý vị thế trả VDSC tính theo số dư vị thế qua đêm là 10 HĐ x 3 ngày x Phí QLVT = 30 HĐ x Phí QLVT MỐI: VSD tính phí bù trừ CKPS: Ngày 1: Long 50 + Short 40 = 90 HĐ Ngày 4: Short 10 = 10 HĐ => Tổng số HĐ tính phí bù trừ CKPS là 100 HĐ => Tổng phí bù trừ CKPS của TK là 100 HĐ x Phí bù trừ vị thế CKPS